

ào dà lì yà 澳大利亚	qiū tiān 秋天	yì dà lì 意大利
xī bān yá 西班牙	xià tiān 夏天	dōng tiān 冬天

		
A)	B)	C)
		
D)	E)	F)

fā shāo 发烧	yuè liàng 月亮	ké sòu 咳嗽
tóu tòng 头痛	shēngbìng 生病	gǎn mào 感冒

		
G)	H)	I)
		
J)	K)	L)